

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST

Ngày: 15/10/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp  
đồng mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thị Yến;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiếu và bà Đặng Thị Tâm.

*- Thư ký Toà án:* Bà Nguyễn Thị Huệ - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông;

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Ông Phạm Thạch Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tiến hành xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 09a/2020/TLST – DS ngày 19 tháng 11 năm 2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn số 16/2021/QĐ- HPT ngày 29/9/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị Thu D – Chủ Cửa hàng Tín D1; địa chỉ: 509, Điện Biên Phủ, phường 25, quận B, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

*Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn:* Huỳnh Trí D1, địa chỉ: 509 Điện Biên Phủ, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

**Bị đơn:** Chị Bùi Thị Ph; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

**NHẬN THẤY:**

**Quá trình làm việc đại diện nguyên đơn trình bày:**

Đầu năm 2015, Cửa hàng Tín D1 được bà Bùi Thị Ph tự giới thiệu là chủ Cửa hàng TP, thỏa thuận mua bán theo phương thức gọi điện thoại đặt hàng và Cửa hàng Tín D1 gửi hàng, sản phẩm mua bán là cửa nhôm, đến cuối năm 2015 thì kết thúc việc mua bán do số nợ của bà Ph lên đến 277.000.000đ (*hai trăm bảy mươi bảy triệu đồng*). Từ đó đến đầu năm 2017 bà Bùi Thị Ph chủ Cửa hàng TP không thanh toán tiền cho Cửa hàng Tín D1. Đến ngày 13/3/2017, ông Huỳnh Trí D1 được chủ Cửa hàng Tín D1 ủy quyền, trực tiếp đến cửa hàng TP gặp chị Bùi Thị Ph để chốt số nợ còn lại và thời gian thanh toán nợ. Chị Ph có viết cho anh D1 01 tờ giấy tay với nội D là “*từ 13/3/2017 đến 13/5/ 2017 cửa hàng TP sẽ chuyển*

số tiền 277.000.000 đồng chia làm 03 lần”, ngay sau đó chị Ph thanh toán cho anh D1 số tiền mặt là 50.000.000 đồng, vào ngày 02/6/2017 chị Ph có chuyển qua tài khoản của chị Đặng Thị Thu D là 060144119919 tại Ngân hàng Sacombank TN số tiền là 50.000.000 đồng. Số tiền chị Ph còn nợ 177.000.000 đồng. Cho đến nay chị Ph không thanh toán.

Vì vậy yêu cầu chị Bùi Thị Ph phải thanh toán số tiền còn nợ là 177.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 03/6/2017 cho đến khi xét xử vụ án. Tại thời điểm giao dịch phía cửa hàng Tín D1 không biết chị Bùi Thị Ph có đăng ký kinh doanh hay không.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng chị Bùi Thị Ph vắng mặt, không có lý do và cũng không cử người đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

### ***Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ về quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Thu D chủ Cửa hàng Tín D1, buộc bị đơn chị Bùi Thị Ph trả số tiền gốc 177.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của Bộ luật Dân sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp***: Khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân xác định tranh chấp trên thuộc vụ án Kinh doanh thương mại. Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi đi xác minh về việc đăng ký kinh doanh tại Phòng Tài chính kế hoạch xác định bà Bùi Thị Ph đăng ký kinh doanh mới vào ngày 24/3/2020, tức là tại thời điểm giao dịch mua bán với Cửa hàng Tín D1 thì bà Ph mua nhôm kính với tư cách là cá nhân nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa xác định lại tranh chấp trên thuộc vụ án dân sự.

Yêu cầu về việc “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản*” là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại khoản 3 điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại phường T, thành phố N, tỉnh Đắk Nông nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa.

Bị đơn không hợp tác và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập bị đơn đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng phía bị đơn vắng mặt 2 lần tại phiên tòa không có lý do, không cử người đại

diện và cũng không có ý kiến, yêu cầu gì gửi đến Tòa án; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Huỳnh Trí D1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự và dành quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền gốc là 177.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi, lãi suất tính từ ngày 03/6/2017 cho đến khi xét xử vụ án, mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền gốc: Xét yêu cầu của Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc 177.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình giải quyết vụ. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là 01 tờ giấy có nội D “13/3 đến 13/5/2017 của hàng TP sẽ chuyển số tiền 277.000.000 đồng (hai trăm bảy mươi bảy triệu) chia làm 3 lần.

*13/3/216 TP trả nợ 50.000.00đ (năm mươi triệu đồng).*

*2/6/2017 trả ck D (060144119919) 50.000.000đ (năm chục triệu) còn 177.000.000 một trăm bảy mươi bảy triệu đồng 2/6/2017”. Tòa án đã tiến hành trưng cầu giám định chữ viết với nội D “13/3 đến 13/5/2017 của hàng TP sẽ chuyển số tiền 277.000.000 (hai trăm bảy mươi bảy triệu) chia làm 3 lần” so với những mẫu chữ ký và chữ viết đã thu thập được của chị Bùi Thị Ph.*

Kết luận giám định số 88/GĐTL-PC09 ngày 22/6/2021 kết luận “*chữ viết phân nội D trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ viết của Bùi Thị Ph trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1,M2) là do cùng một người viết ra*”.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn biết về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, đồng thời cũng không có ý kiến phản đối hay tranh chấp đối với việc khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cử đại diện tham gia tố tụng, do đó Hội đồng xét xử nhận định bị đơn chấp nhận mọi yêu cầu của nguyên đơn.

Căn cứ Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị D, buộc bị đơn chị Bùi Thị Ph phải trả số tiền gốc là 177.000.000 đồng cho chị Đặng Thị Thanh D – Cửa hàng Tín D1.

Về lãi suất chậm trả: Theo giấy hẹn trả tiền ngày 02/6/2017 thể hiện ngày cuối cùng phía bị đơn chuyển tiền cho nguyên đơn. Đến nay phía bị đơn không trả cho nguyên đơn thêm số tiền nào. Theo quy định tại khoản 2 của Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bà Bùi Thị Ph còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả lãi suất chậm trả của số tiền còn nợ, theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010. Theo đó thì mức lãi suất cơ bản hiện nay được Ngân hàng Nhà nước áp dụng vẫn ở mức 9%/năm như sau:

$177.000.000 \text{ đồng} \times 4 \text{ năm} \times 4 \text{ tháng} \times 13 \text{ ngày} \times 9\%/\text{năm} = 69.605.250 \text{ đồng}.$

Từ những phân tích và nhận định trên đây, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu đối với số tiền gốc của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn

tiền gốc là 177.000.000 đồng tiền gốc và 69.605.250 đồng tiền lãi, tổng số tiền là 246.605.250 đồng.

[3] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên cần trả lại tiền tạm nộp án phí là 4.425.000 đồng.

Bị đơn phải nộp án phí dân sự là  $246.605.250 \text{ đồng} \times 5\% = 12.330.000 \text{ đồng}$ .

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 305, Điều 428, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị Thu D.

Buộc chị Bùi Thị Ph phải trả cho nguyên đơn chị Đặng Thị Thu D tổng số tiền là 246.605.250 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, hai trăm năm mươi đồng) trong đó số tiền gốc là 177.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi bảy triệu đồng*), tiền lãi là 69.605.250 đồng (*sáu mươi chín triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn hai trăm năm mươi đồng*).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Ph không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng chị Ph phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc chị Bùi Thị Ph phải nộp 12.330.000 đồng (*mười hai triệu, ba trăm ba mươi nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Đặng Thị Thu D số tiền 4.425.000 đồng (*bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai số 0002420 ngày 19/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP.Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP.Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký tên, đóng dấu)*

**Nguyễn Thị Yên**